TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2023/DSST
Ngày: 22-6-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Nguyễn Minh Nhiễm**;
Ông **Nguyễn Văn Bé.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Sơn Thị Hoa Lan**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 747/2023/TLST–DS, ngày 20-4-2023; về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2023/QĐXXST-DS, ngày 01-6-2023; giữa:

Nguyên đơn: Ông Thạch Th, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Ô Trao, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Thạch Thị R, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: 13 người

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Thạch Th trình bày:

Ngày 24/4/2020, ông có tổ chức khui 14 dây hụi (từ dây số 01 đến 14), bà Thạch Thị R (danh sách Hiếu R) tham gia 14 dây (có dây số 13 tham gia 02 phần), hình thức tham gia góp hụi được thỏa thuận như sau: Loại hụi 5.000.000 đồng; mỗi dây có 15 phần, hụi tháng, huê hồng đầu thảo hưởng 1.500.000 đồng/lần hốt, ông có giao danh sách hụi cho tất cả hụi viên tham gia theo dõi, sau khi hốt hụi ông có trách nhiệm gom tiền của các hụi viên rồi giao cho người trúng thăm hốt hụi. Tất cả 14 dây hụi ông tổ chức khui đến lần thứ 06, ở lần khui thứ 07 ông úp hụi, bà R chỉ đóng hụi đến lần khui thứ 02, cho nên các dây hụi số 01, 02, 03, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 14 từ lần khui hụi thứ 03 ông lãnh trách nhiệm tham gia tiếp, ông có nghĩa vụ trả lại cho bà R tiền hụi sống đã đóng, còn các dây

hụi số 04, 05, 13 ông đã choàng hụi cho bà R từ lần khi hụi thứ 03 đến lần thứ 06, cụ thể:

Dây 04: Bà R tham gia 01 lần, ở lần khui hụi thứ 01 bà R đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 02 bà R bỏ thăm 2.760.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà R được nhận bằng 32.620.000 đồng đã trừ huê hồng, ông giao tiền cho bà R nhận, không có làm giấy tờ. Từ lần khui hụi thứ 03 đến thứ 06 bà R không có đóng hụi chết, ông choàng hụi cho bà R, ông yêu cầu bà R trả lại 04 lần hụi choàng bằng 20.000.000 đồng và 09 lần hụi đã nhận bằng 20.160.000 đồng, tổng cộng bằng 40.160.000 đồng.

Dây 05: Bà R tham gia 01 lần, ở lần khui hụi thứ 01 bà R đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui hụi thứ 02 bà R bỏ thăm 2.780.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà R được nhận bằng 32.360.000 đồng đã trừ huê hồng, ông giao tiền cho bà R nhận, không có làm giấy tờ. Từ lần khui hụi thứ 03 đến thứ 06 bà R không có đóng hụi chết, ông choàng hụi cho bà R, ông yêu cầu bà R trả lại 04 lần hụi choàng bằng 20.000.000 đồng và 09 lần hụi đã nhận bằng 19.980.000 đồng, tổng cộng bằng 39.980.000 đồng.

Dây 13: Bà R tham gia 02 lần, ở lần khui hụi thứ 01 bà R bỏ thăm 1.500.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi (phần 01), tiền hụi bà R được nhận bằng 47.500.000 đồng đã trừ huê hồng, ông giao tiền cho bà R nhận, không có làm giấy tờ, bà R có đóng 01 phần hụi sống.

Ở lần khui hụi thứ 02 bà R bỏ thăm 2.770.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi (phần 02), tiền hụi bà R được nhận bằng 32.490.000 đồng đã trừ huê hồng, ông giao tiền cho bà R nhận, không có làm giấy tờ, bà R có đóng 01 phần hụi chết.

Từ lần khui hụi thứ 03 đến thứ 06 bà R không có đóng hụi chết, ông choàng hụi cho bà R 02 phần, ông yêu cầu bà R trả lại tiền choàng hụi bằng 40.000.000 đồng và 09 lần hụi đã nhận bằng 51.570.000 đồng (*31.500.000 đồng+20.070.000 đồng*), tổng cộng bằng 91.570.000 đồng.

Tổng cộng bà R nợ ông tiền hụi ở các dây hụi trên bằng 171.710.000 đồng, qua làm đơn khởi kiện ông yêu cầu trả số tiền bằng 161.900.000 đồng.

Bà Thạch Thị R còn sống ở các dây hụi số 01, 02, 03, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 14 tất cả đã đóng hụi sống đến lần khui thứ 02 tổng cộng bằng 63.260.000 đồng, ông đồng ý cấn trừ vào tiền hụi ông khởi kiện, sau khi cấn trừ bà R còn nợ lại ông bằng 98.640.000 đồng, ông chỉ yêu cầu bà R trả cho ông bằng 80.000.000 đồng.

Nay ông yêu cầu bà Thạch Thị R trả cho ông tiền hụi choàng và 09 lần đã nhận tổng cộng bằng 80.000.000 đồng (Loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 24/4/2020, dây hụi số 04, 05, 13), không yêu cầu tính lãi.

Ông Thạch Th có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết, bà Thạch Thị R trình bày:

Ngày 24/4/2020, ông Th có tổ chức khui 14 dây hụi (từ dây số 01 đến dây 14), loại hụi 5.000.000 đồng, bà tham gia 14 dây (danh sách tên Hiếu R, có dây số 13 bà tham gia 02 phần, còn lại tham gia 01 phần).

Bà có bỏ thăm hốt hụi ở dây số 04, 05, 13 bà thống nhất số tiền hụi choàng và tiền hụi đã nhận mà ông Th khởi kiện bà bằng 161.900.000 đồng.

Trong 14 dây hụi, bà còn hụi sống các dây hụi số 01, 02, 03, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 14 đã đóng đến lần khui thứ 02 tổng cộng bằng 63.260.000 đồng bà đồng ý cấn trừ vào tiền hụi ông Th khởi kiện bà, sau khi cấn trừ bà còn nợ lại ông Th bằng 98.640.000 đồng, ông Th bớt cho bà số tiền 18.640.000 đồng bà còn nợ lại số tiền bằng 80.000.000 đồng bà đồng ý, nhưng tiền này bà không đồng ý trả, lý do ở ấp Ô Trôm bà tham gia góp hụi hơn 20 đầu thảo (chủ hụi), tiền bà được hốt hụi của ông Th và các chủ hụi khác bà đem đóng hụi xoay vòng cho 20 chủ hụi khác, bà không có đem tiền hốt hụi về nhà mua sắm tài sản gì trong nhà, hiện tại các chủ hụi khác bà cũng còn hụi sống, lúc úp hụi mọi người cũng có hứa trả lại tiền hụi cho bà nhưng đến nay không có ai trả (bà không có khởi kiện ai), cho nên bà không có tiền để trả lại cho ông Th. Qua yêu cầu của ông Th bà không đồng ý trả.

Bà Thạch Thị R có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng có ý kiến trình bày: Ngày 24/4/2020, ông Th có tổ chức khui 14 dây hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi dây có 15 phần, ông Th úp hụi ở lần khui thứ 06, tất cả 14 dây hụi trên còn 09 lần khui nữa mới mãn hụi. Sau khi úp hụi chủ hụi và hụi viên có tính toán cấn trừ 09 lần hụi sống ở các dây hụi trên xong, không có ai khởi kiện ông Th để giải quyết sau, thống nhất để cho ông Th giải quyết với bà R.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng có gồm: 14 danh sách hụi viên (photo); 01 biên bản thỏa thuận góp hụi, 01 chứng minh nhân dân tên Th, sổ hộ khẩu (photo); Bị đơn không có cung cấp tài liệu chứng cứ.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Bà Thạch Thị R thừa nhận có tham gia 14 dây hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 24/4/2020, sau khi cấn trừ bà còn nợ lại ông Thạch Th bằng 80.000.000 đồng.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Ông Thạch Th yêu cầu bà Thạch Thị R trả lại tiền hụi choàng và 09 lần hụi đã nhận bằng 80.000.00 đồng (Loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 24/4/2020, dây hụi số 04, 05, 13). Ông Thạch Th không yêu cầu tính lãi.

Bà Thạch Thị R không đồng ý trả theo yêu cầu của ông Thạch Th.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Th.

2. Buộc bà Thạch Thị R trả cho ông Thạch Th tiền hụi choàng và 09 lần hụi đã nhận bằng 80.000.000 đồng (Loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 24/4/2020, dây hụi số 04, 05, 13). Ông Thạch Th không yêu cầu tính lãi.

3. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Ông Thạch Th yêu cầu bà Thạch Thị R trả lại tiền hụi choàng 04 lần (từ lần khui hụi thứ 03 đến thứ 06) và 09 lần hụi đã nhận tổng cộng bằng 80.000.000 đồng (Loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 24/4/2020, dây hụi số 04, 05, 13), ông Th không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình giải quyết bà Thạch Thị R có lời khai thừa nhận bà có tham gia 14 dây hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 24/4/2020 của ông Th làm chủ hụi, sau khi cấn trừ tiền hụi sống, hụi chết bà còn nợ lại ông Th bằng 80.000.000 đồng, đây là những tình tiết các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ông Thạch Th yêu cầu bà Thạch Thị R trả tiền hụi choàng và 09 lần hụi đã nhận tổng cộng bằng 80.000.000 đồng, bà R không đồng ý trả với lý do, bà tham gia góp hụi ở ấp Ô Trôm hơn 20 chủ hụi, tiền bà được hốt hụi của ông Th và các chủ hụi khác bà cũng đem đóng hụi xoay vòng cho 20 chủ hụi, bà không có đem tiền về nhà mua sắm tài sản gì trong nhà, hiện tại bà cũng còn hụi sống ở các chủ hụi khác, lúc úp hụi mọi người có hứa trả lại tiền hụi cho bà nhưng đến nay chưa trả, cho nên bà không có tiền để trả lại cho ông Th.

[4] Xét thấy, giao dịch góp hụi giữa chủ hụi với hụi viên là do các bên tự nguyện thỏa thuận, tại thời điểm thỏa thuận giao dịch góp hụi các đương sự có đầy đủ năng lực và nhận thức được hành vi của mình khi tham gia giao dịch góp hụi, bà R cho rằng tiền bà được hốt hụi của ông Th và các chủ hụi khác bà cũng đóng hụi xoay vòng cho 20 chủ hụi khác, bà không có đem tiền mua sắm tài sản gì trong nhà, hiện tại các chủ hụi khác chưa có ai trả tiền hụi cho bà cho nên bà không có tiền trả cho ông Th là không có căn cứ. Bởi vì, hợp đồng dân sự về góp hụi mà ông Th đang khởi kiện là giữa ông Th với bà R, còn hợp đồng góp hụi giữa bà R với các chủ hụi khác là độc lập không có liên quan với ông Th, nên không thuộc trường hợp phải bù trừ nghĩa vụ thanh toán với nhau, cho nên ý kiến trình bày của bà R không có căn cứ chấp nhận.

[5] Trong quá trình giải quyết những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ý kiến thống nhất vào ngày 24/4/2020, ông Th có tổ chức khui 14 dây hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi dây có 15 phần, ông Th úp hụi ở lần khui thứ 06, tất cả các dây hụi trên còn 09 lần khui nữa mới mãn hụi. Sau khi úp hụi chủ hụi và hụi viên có tính toán cấn trừ tiền hụi sống, hụi chết ở các dây hụi trên xong, không có ai khởi kiện ông Th để giải quyết sau, thống nhất để cho ông Th giải quyết với bà R.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th là có căn cứ, do ông Th không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Thạch Thị R phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn ông Thạch Th không phải chịu án phí.

[7] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 91, 92, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Th.

2. Buộc bà Thạch Thị R trả cho ông Th tiền hụi choàng và 09 lần hụi đã nhận bằng 80.000.000 đồng (Loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 24/4/2020, dây hụi số 04, 05, 13); Ông Thạch Th không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bị đơn bà Thạch Thị R phải chịu 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Thạch Th không phải chịu án phí; Hoàn trả số tiền 4.047.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0017209 ngày 20-4-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh trả lại cho ông Thạch Th.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể tư ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm